

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh năm 2019 - tại xã Long Mai, huyện Minh Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Ban hành định mức kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố Định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 23/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển đổi mục đích sử dụng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kết quả rà soát điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở hợp nhất 07 Ban quản lý rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh hiện nay;

Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 09/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá sản xuất cây giống xuất vườn của một số loài cây trồng rừng; trồng cây phân tán trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 03/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ thực hiện trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại Báo cáo kết quả thẩm định số 2963 /BCTĐ-SNNPTNT ngày 30/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thuyết minh thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh năm 2019 - tại xã Long Mai, huyện Minh Long, với nội dung chính sau:

1. Tên công trình: Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh năm 2019 - tại xã Long Mai, huyện Minh Long.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Đơn vị thực hiện trồng rừng thay thế: Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi.

4. Địa điểm và quy mô thực hiện:

a) Địa điểm thực hiện: Khoảnh 1, 2 tiểu khu 265, xã Long Mai, huyện Minh Long.

b) Quy mô thực hiện: Tổng diện tích 37,39 ha.

b1) Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng để thực hiện dự án khai thác mỏ đá Bazzan làm phụ gia xi măng tại núi Đầu Voi.

b2) Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng để xây dựng công trình đường dây 220KV Thượng Kon Tum - Quảng Ngãi và đường dây 220KV Quảng Ngãi - Quy Nhơn.

b3) Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng để thực hiện dự án đường dây 500kV Quảng Trạch - Đốc Sỏi, đoạn tuyến qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b4) Trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng để thực hiện dự án đường dây 500kV Đốc Sỏi - Pleiku 2, đoạn tuyến qua địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Tóm tắt các giải pháp kỹ thuật lâm sinh:

a) Giải pháp kỹ thuật trồng rừng:

a1) Loài cây trồng:

- Muồng đen (*Senna Siamea*).
- Lim xanh (*Erythrophloeum fordii* Oliver).
- Lát hoa (*Chukrasia tabularis*).
- Xoan đào (*Prunus arborea*).

a2) Phương thức trồng: Trồng toàn diện, hỗn giao theo hàng.

a3) Phương pháp trồng: Trồng bằng cây con ươm trong túi bầu PE.

a4) Thời vụ trồng: Trồng vào tháng 11 đến tháng 12, trồng vào những ngày râm mát hoặc có mưa nhẹ, khi đất đã đủ ẩm.

a5) Mật độ trồng:

- Mật độ: 1.200 cây/ha (Lim xanh 600 cây/ha, Muồng đen 200 cây/ha, Lát hoa 200 cây/ha và Xoan đào 200 cây/ha).

- Cự ly cây cách cây 2,78 m, hàng cách hàng 3,0 m.

(Chi tiết theo sơ đồ bố trí cây trồng tại Hồ sơ thuyết minh thiết kế)

a6) Tiêu chuẩn cây con: Cây sinh trưởng tốt, không bị sâu bệnh, không cong queo, không bị dập gãy cành ngọn, hình dạng cân đối và không vỡ bầu:

- Cây Lim xanh: Kích cỡ túi bầu 13x18cm, tuổi cây con đem trồng từ 17 - 18 tháng, chiều cao từ 70- 80 cm, đường kính cổ rễ $\geq 0,8$ cm.

- Cây Muồng đen: Kích thước túi bầu 13x18 cm, tuổi cây đem trồng 10 - 12 tháng, chiều cao từ 60 - 80 cm, đường kính cổ rễ $\geq 0,8$ cm.

- Cây Lát hoa: Kích thước túi bầu 13x18 cm, tuổi cây đem trồng 17 - 18 tháng, chiều cao từ 60 - 80 cm, đường kính cổ rễ $\geq 0,8$ cm.

- Cây Xoan đào: Kích thước túi bầu 13x18 cm, tuổi cây đem trồng 14 - 16 tháng, chiều cao từ 60 - 80 cm, đường kính cổ rễ $\geq 0,8$ cm.

a7) Xử lý thực bì:

- Phương thức xử lý thực bì: Xử lý thực bì toàn diện.

- Phương pháp: Xử lý thực bì bằng thủ công. Dùng rựa bằm nhỏ thực bì thành đoạn từ 40-60 cm, thu gom thực bì thành từng luống theo đường đồng mức.

Lưu ý: Chỉ được bằm nhỏ, rải đều hoặc thu gom thực bì chất thành luống, không được đốt thực bì.

- Thời gian xử lý: Tháng 11.

a8) Kỹ thuật làm đất:

- Phương thức làm đất: Cuốc hố cục bộ.

- Phương pháp làm đất: Cuốc hố thủ công.

+ Tùy theo điều kiện cụ thể từng khu vực trồng mà có thể dùng cuốc bàn, cuốc chim để đào hố; đào hố đúng khoảng cách cây trồng và cự ly hàng, bố trí hố đào theo hình nanh sấu.

+ Kích thước hố: 40cm x 40cm x 40cm.

Khi đào hố phải lấy hết đá, rễ cây ra khỏi hố, đất đào để bên miệng hố, sau khi sửa đáy hố xong thì lấp đất đào xuống hố. Chú ý lấp đất đầy ngang miệng hố, trường hợp thiếu đất thì dùng cuốc lấy đất từ bên ngoài cho thêm vào hố.

a9) Vận chuyển cây con và trồng cây:

- Vận chuyển bảo quản cây con: Vận chuyển cây con bằng cơ giới và gùi, gánh đến hiện trường thi công. Khi vận chuyển cây con cần tránh làm vỡ bầu, vì một lý do nào đó chưa kịp trồng thì phải tập trung cây tại vị trí râm mát và thuận tiện chăm sóc, đồng thời thường xuyên tưới nước cho cây.

- Trồng cây: Dùng cuốc móc lỗ giữa hố, xé bỏ túi bầu trước khi trồng, đặt cây thẳng đứng giữa hố, lấp đất ngang cổ rễ và dùng tay nén từ từ đến chặt đất xung quanh bầu. Trồng từ tháng 11 đến tháng 12/2019, trồng vào những ngày râm mát, đất đủ độ ẩm.

Lưu ý: Xé túi bầu một cách nhẹ nhàng, tránh làm vỡ bầu cây.

a10) Chăm sóc, bảo vệ cây mới trồng cho đến hết năm trồng:

- Trồng dặm: Sau khi hoàn thành việc trồng chính khoảng 07 – 10 ngày đến hết thời vụ trồng, phải thường xuyên tiến hành kiểm tra toàn bộ diện tích rừng đã trồng để trồng dặm những cây bị chết, cây bị gãy, cây cụt ngọn,.. nhằm đảm bảo mật độ theo thiết kế.

- Thường xuyên tuần tra, canh gác, kịp thời phát hiện không cho người và gia súc vào phá hại cây. Tuyên truyền vận động nhân dân tham gia bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng.

b) Giải pháp kỹ thuật chăm sóc:

Thực hiện chăm sóc, bảo vệ rừng trong 5 năm và tiến hành kiểm kê bàn giao rừng.

b1) Chăm sóc năm thứ nhất:

- Phát dọn sạch thực bì, tỉa cành nhánh bị sâu bệnh, cong queo. Trong quá trình phát dọn phải gỡ hết dây leo bám vào cây trồng. Phát chăm sóc 02 lần/năm, lần thứ nhất từ tháng 3 đến tháng 6; lần thứ hai từ tháng 9 đến tháng 11.

- Dãy cỏ, xới đất và vun đất vào gốc cây trong phạm vi đường kính xung quanh gốc từ 0,8-1 m, làm cho đất tơi xốp, thoáng khí, giữ ẩm cho cây trồng; xới và vun gốc 01 lần/năm vào thời gian tháng 9 đến tháng 11. Quá trình xới không làm tổn thương bộ rễ cây.

- Trồng dặm: trồng dặm những cây bị chết, cây sinh trưởng kém. Cây con đem trồng phải đúng tiêu chuẩn, trồng theo đúng thời vụ (trồng ở lần chăm sóc thứ 2 trong năm chăm sóc thứ nhất vào những ngày có mưa).

- Bảo vệ: tuần tra ngăn chặn người, gia súc phá hại cây trồng; kịp thời phòng trừ sâu, bệnh hại cây rừng; phòng chống cháy rừng.

b2) Chăm sóc năm thứ hai: Nội dung chăm sóc và bảo vệ giống như năm thứ nhất; hạng mục trồng dặm không thực hiện.

b3) Chăm sóc năm thứ ba, tư, năm: Nội dung chăm sóc và bảo vệ giống như năm thứ nhất, các hạng mục trồng dặm, xới vun gốc không thực hiện.

c) Giải pháp bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng trồng:

- Bảo vệ rừng trồng trong suốt quá trình thi công trồng, chăm sóc.

- Tận dụng nguồn nước sẵn có tại các khe suối xung quanh khu vực rừng trồng và các khu vực lân cận để chủ động phục vụ công tác chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

- Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức phòng chống cháy rừng, không đốt lửa trong khu vực trồng cây và tích cực tham gia phòng chống cháy rừng.

- Thường xuyên tuần tra, kiểm tra trong suốt mùa khô nóng để kịp thời phát hiện và ngăn chặn các nguy cơ gây cháy rừng.

6. Giá trị dự toán phê duyệt:

Tổng dự toán: **3.096.305.000** đồng.

(Ba tỷ không trăm chín mươi sáu triệu ba trăm lẻ năm ngàn đồng)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Tổng giá trị dự toán được phê duyệt
I	Chi phí xây dựng	2.431.622.046
1	Chi phí trực tiếp	2.195.100.019
1.1	Trồng rừng (2019)	969.976.990
1.2	Chăm sóc rừng và bảo vệ rừng (2020-2024)	1.209.085.029
1.3	Chi phí làm bảng báo	16.038.000
2	Chi phí chung	109.755.001
3	Thu nhập chịu thuế tính trước	126.767.026
II	Chi phí quản lý dự án	72.948.661
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	226.290.227
1	Khảo sát hiện trường, lập hồ sơ thuyết minh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	152.454.145

2	Lập hồ sơ mời thầu	4.345.187
3	Giám sát thi công	69.490.895
IV	Chi phí khác	218.001.215
1	Phí thẩm định thiết kế	2.942.263
2	Phí thẩm định dự toán	2.844.998
3	Kiểm tra, nghiệm thu hoàn công	127.781.005
4	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	27.212.077
5	Chi phí kiểm toán	50.892.886
6	Phí thẩm định giá vật tư, cây giống	1.500.000
7	Đánh giá hồ sơ dự thầu	4.827.986
V	Chi phí dự phòng	147.443.107
TỔNG CHI PHÍ		3.096.305.256
LÀM TRÒN SỐ		3.096.305.000

7. Nguồn vốn đầu tư:

a) Nguồn vốn: Tiền trồng rừng thay thế do các chủ đầu tư có sử dụng diện tích rừng chuyển đổi mục đích sử dụng đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi theo các Quyết định: số 368/QĐ-UBND ngày 22/3/2019; số 377/QĐ-UBND ngày 22/3/2019, số 458/QĐ-UBND ngày 04/4/2019; số 1180/QĐ-UBND ngày 22/8/2019; số 1265/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

8. Phân kỳ vốn đầu tư:

- Năm 2019 (Trồng rừng): 1.413.774.000 đồng.
- Năm 2020 (Chăm sóc năm 1): 478.148.000 đồng.
- Năm 2021 (Chăm sóc năm 2): 405.498.000 đồng.
- Năm 2022 (Chăm sóc năm 3): 315.451.000 đồng.
- Năm 2023 (Chăm sóc năm 4): 200.712.000 đồng.
- Năm 2024: (Chăm sóc năm 5): 282.722.000 đồng.

9. Thời gian thực hiện: Năm 2019 – 2024.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về việc thẩm định nội dung, các giải pháp kỹ thuật lâm sinh, định mức chi phí, đảm bảo đúng quy định theo kết quả thẩm định tại Báo cáo số 2963/BCTĐ-SNNPTNT ngày 30/10/2019.

Điều 3. Căn cứ Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả đầu tư và thực hiện thanh, quyết toán vốn đầu tư cho

giá trị hoàn thành các hạng mục công trình tại Điều 1 Quyết định này theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND huyện Minh Long, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh, Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), KT, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (lnphong507)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tăng Bính
Nguyễn Tăng Bính